

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HS-PT
Ngày 19-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 192/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T(T1) và Bùi Văn M do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; nơi cư trú: khu phố 9, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S và bà Phạm Thị Đ; có chồng là ông Đào Văn H và 02 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 26/10/2020 bị Công an thị trấn P xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2021 cho đến nay; có mặt.

2. Phạm Thị T, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Đồng T, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Liêu Thị B; có chồng là ông Nguyễn Văn P và 04 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 26/10/2020 bị Công an thị trấn P xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2021 cho đến nay; có mặt.

3. Bùi Văn M, sinh năm 1957; nơi cư trú: ấp Bồ Lá, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn G và bà Nguyễn Thị B; có vợ là bà Lê Thị C và 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/11/1981, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé xử phạt 05 năm tù về các tội “Cướp tài

sản công dân” và “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị cáo không có kháng cáo:

Trần Văn T(T2), sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị H; có 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2021 cho đến nay; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 16/4/2021, Nguyễn Thị L gọi điện thoại cho Phạm Thị T và Trần Văn T rủ T1 và T2 đến nhà L để đánh bạc bằng hình thức “binh xập xám” thắng thua bằng tiền thì T1 và T2 đồng ý, lúc này T2 đang ngồi cùng Bùi Văn M nên T2 rủ M đi đánh bạc cùng thì M đồng ý. Sau đó T1, T2 và M đến nhà L. Tại đây, L đưa 03 đôi tượng trên vào phòng ngủ, L lấy ra 02 bộ bài tây 52 lá rồi cả 04 người ngồi trên giường chơi đánh bạc. Hình thức chơi là xoay vòng mỗi người chia bài một ván, số tiền thắng thua mỗi ván là 100.000 đồng, 04 con bạc được chia làm 04 tụ, mỗi tụ được chia 13 lá bài, sau khi chia bài xong, mỗi con bạc sẽ sắp xếp 13 lá bài của mình thành 03 chi, trong đó 01 chi sẽ có 03 lá bài và 02 chi còn lại mỗi chi 05 lá bài. Sau khi sắp xếp bài xong, các con bạc sẽ so bài với nhau theo từng chi tương ứng, con bạc nào có 02 chi thắng thì con bạc đó thắng và các con bạc còn lại thua sẽ đưa số tiền 100.000 đồng cho con bạc thắng, cứ thế các con bạc thay nhau chia bài đánh hết ván này đến ván khác. Khi đang chơi thì bị bắt quả tang.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: số tiền 5.400.000 đồng; 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng;

Tang vật thu giữ của các con bạc gồm:

Thu giữ của Bùi Văn M: số tiền 4.000.000 đồng trong túi quần của M sử dụng để đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 + và 01 thẻ sim; 01 xe mô tô biển số 61F1-276.68; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61F1-276.68 mang tên Bùi Văn M.

Thu giữ của Trần Văn T: số tiền 2.000.000 đồng trong túi áo của T2 sử dụng để đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5s và 02 thẻ sim điện thoại; 01 xe mô tô biển số 93F3-3769.

Thu giữ của Nguyễn Thị L: số tiền 1.000.000 đồng thu giữ trong túi áo của L sử dụng để đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu Mobell M729 và 02 thẻ sim điện thoại.

Thu giữ của Phạm Thị T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s và 02 thẻ sim điện thoại.

Cáo trạng số: 55/CT-VKSPG ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T, Trần Văn T, Bùi Văn M về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2021/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T, Trần Văn T và Bùi Văn M phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 65 và 58 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự của án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự quy định để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 54 và 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn M 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22/9/2021, bị cáo Bùi Văn M làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 24/9/2021, bị cáo Phạm Thị T làm đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 24/9/2021, bị cáo Nguyễn Thị L làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T và Bùi Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, tại phiên tòa bị cáo Minh bổ sung kháng cáo xin được phạt tiền

hoặc cho hưởng án treo. Xét thấy các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, cấp sơ thẩm khi xét xử đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T và Bùi Văn M được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T và Bùi Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: ngày 16/4/2021, tại nhà bị cáo Nguyễn Thị L ở khu phố 9, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T, Trần Văn T và Bùi Văn M đã thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức binh xập xám. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội là 12.400.000 đồng. Số tiền các bị cáo đánh bạc như sau: Bị cáo Nguyễn Thị L sử dụng 2.800.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Phạm Thị T sử dụng 1.600.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Trần Văn T sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo Bùi Văn M sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị L và Phạm Thị T, xét thấy: các bị cáo có 01 tiền sự, ngày 26/10/2020 bị Công an thị trấn P xử phạt mỗi bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, các bị cáo không lấy đó làm bài học, tu dưỡng bản thân mà ngày 16/10/2021 lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần cách ly các bị cáo một thời gian mới đủ sức răn đe các bị cáo. Do đó không có căn cứ xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy các bị cáo sử dụng tiền đánh bạc ít, bị cáo L đã cao tuổi; các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (bị cáo L có con bị bại liệt; bị cáo T1 có mẹ chồng đang sống chung hiện cũng không tự lo được cho bản thân); có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo T1 đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự nên có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo xin được phạt tiền hoặc xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Văn M, xét thấy: bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm (do Tiến rù), tuy bị cáo có nhân thân xấu nhưng từ thời gian thực hiện hành vi phạm tội và bị xử phạt cho đến nay đã hơn 30 năm bị cáo M không vi phạm pháp luật, lần phạm tội này thuộc trường hợp

ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ gì mới, tuy nhiên bị cáo hiện đã cao tuổi nên không cần thiết áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe giáo dục, do đó có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo.

[5] Đối với bị cáo Trần Văn T, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo và bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và là lần đầu phạm tội, cấp sơ thẩm phạt xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung 10.000.000 đồng là nặng, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo thực hiện, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự để điều chỉnh lại cho phù hợp.

[7] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[8] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T và Bùi Văn M. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

2. Về áp dụng Điều luật và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 54 và 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 35 và 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn M 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 35 và 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

3. Án phí hình sự phúc thẩm

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị L, Phạm Thị T và Bùi Văn M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện P (5);
- Viện Kiểm sát nhân huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (4);
- Người tham gia tố tụng (4);
- Tô Hành chính Tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, LTH, 22.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quân Vương